

Mạc Đĩnh Chi

Tiểu sử

MẠC ĐĨNH CHI (莫挺之) (1272-1346)

Nhà văn Việt Nam, danh sĩ đời Trần Anh Tông, tự là Tiết Phu. Vốn người làng Lan Khê, huyện Bình Hà, châu Nam Sách, lộ Lạng Giang; sau dời đến làng Lũng Động, huyện Chí Linh (nay thuộc tỉnh Hải Dương).

Năm 1304, ông đỗ Trạng nguyên. Vua thấy tướng mạo xấu có ý chê, ông dâng bài phú "Ngọc tỉnh liên" (sen giếng ngọc) khiến Vua khâm phục, bổ chức Nội thư gia.

Ông làm quan trải ba triều Anh Tông, Minh Tông, Hiến Tông; giữ các chức: Nhập nội hành khiển, Tả tư lang trung, thăng Thượng thư Tả bộc xạ, kiêm Trung thư coi việc quân dân, tước Đại liêu ban. Tính ông liêm khiết, được sĩ phu trọng vọng. Ông từng đi sứ Trung quốc 2 lần, được các danh sĩ nước ngoài khen ngợi, khâm phục.

Sau khi về trí sĩ, ông mở trường dạy học. Nhân dân đời sau vẫn quen gọi là "Trạng nguyên cổ đường".

Ông mất năm Bính Dần- 1346.

Ông là cháu 5 đời của Trạng nguyên Mạc Hiến Tích (khoa Bính Dần niên hiệu Quảng Hựu thứ 2 (1086), đời Lý Nhân Tông). Đến đời Mạc Đăng Dung là cháu 7 đời của ông lên cưỡi ngôi nhà Lê xưng đế, truy phong ông là Huệ Cảm Linh Khánh vương, có lập điện Sùng Đức để thờ ông tại phần mộ ở làng Lũng Động.

Tác phẩm chính:

"Ngọc tỉnh liên phú" (trong "Quần hiền phú tập")

Bốn bài thơ: "Quá Bành Trạch phỏng Đào Tiềm cựu cư"; "Tảo hành"; "Hy tình"; "Văn cảnh" (trong "Việt âm thi tập" và "Tòan

Việt thi lục")

Ngoài Phùng Khắc Khoan, Mạc Đĩnh Chi cũng là trạng nguyên của hai nước Nam và nước Tàu.

Sách "Nam Hải Dị Nhân" chép rằng Mạc Đĩnh Chi tự là Tiết Phu, người làng Lũng Động huyện Chí Linh (Hải Dương) nguyên về giòng giõi quan thái thú Mạc Hiến Tích về triều nhà Lý (Hiển Tích đỗ trạng nguyên đời vua Trung Tôn nhà Lý, làm đến Lại bộ thượng thư)

Tục truyền làng Lũng Động có một khu rừng rậm, cây cối bùm tum, lắm giống hàu (con khi) ở. Mẹ ông ấy thường khi vào rừng kiếm củi, phải con hàu đục bắt hiếp. Về nói với chồng, chồng ăn mặc giả làm đàn bà, giắt sẵn con dao sắc vào rừng, con hàu quen thói lại ra, bị ông kia chém chết bỏ thây tại đấy.

Sáng hôm sau ra xem thì mối đã đùn đất lấp hết, thành gò mả.

Bà kia từ đấy thụ thai, đủ tháng sinh ra Mạc Đĩnh Chi, mặt mũi xấu xí, người nhỏ loắt choắt tựa như giống hàu.

Mạc Đĩnh Chi lớn lên bốn năm tuổi, tư chất thông minh hơn người. Bảy giờ Hoàng tử là Chiêu Quốc Công mở trường dạy học trò, Mạc Đĩnh Chi vào học. Đến năm gần hai mươi tuổi là năm Giáp Thìn đời vua Anh Tôn nhà Trần, Mạc Đĩnh Chi thi đình văn đáng đỗ đầu cả mọi người nhưng vua trông thấy người hình dáng xấu xa, toan không cho đỗ Trạng nguyên, Đĩnh Chi làm một bài phú "Ngọc tỉnh liên" để ví vào mình, vua mới lại cho đỗ Trạng Nguyên.

Khi Mạc Đĩnh Chi phụng mệnh sang sứ nhà Nguyên bên Tàu, có hẹn trước với người Tàu ngày mở cửa ải. Bất ngờ hôm ấy trời lại mưa, Mạc Đĩnh Chi sai hẹn; hôm sau mới đến thì người Tàu đóng

cửa không cho vào. Đĩnh Chi nói tử tế xin cho mở cửa. Người Tàu ra một câu từ trên ải ném xuống và bảo hễ đổi được thì mở cửa.

Câu ra:

"Quá quan trì, quan quan bế; nguyện quá khách quá quan".

Nghĩa là: Qua ải chậm, người coi ải đóng cửa ải, mời khách qua đường qua ải mà đi.

Đĩnh Chi viết ngay một mảnh giấy, đổi lại đưa lên:

"Xuất đối dị, đối đối non, thỉnh tiên sinh tiên đối".

Nghĩa là: Ra đối dễ, đối lại khó, mời tiên sinh đối trước.

Người Tàu khen có tài nhanh nhẩu, mới mở cửa ải cho vào. Khi đến cửa Yên Kim, người tàu thấy ông xấu xa, có bụng khinh bỉ. Một hôm, viên tể tướng Tàu mời vào phủ đường ngồi chơi, Đĩnh Chi trông thấy trên bức tường có thêu con chim sẻ vàng đậu trên cành trúc, tưởng là chim thực, đứng dậy chạy lại bắt. Người Tàu cười âm thầm. Đĩnh Chi xé tan ngay bức trướng ấy ra.

Chúng ngạc nhiên hỏi có làm sao thì thưa rằng:

- Tôi có nghe người ta thường vẽ chim sẻ đậu cành mai không ai vẽ đậu cành trúc. Nay tể tướng sao lại cho vẽ thế. Trúc là giống cây quân tử, chim sẻ là loài vật tiểu nhân, vẽ thêu như thế là ra cho tiểu nhân ở trên quân tử, tôi e rằng đạo tiểu nhân mỗi ngày thịnh lên, mà đạo quân tử mỗi ngày suy đi, nên tôi trừ giúp cho thánh triều đẩy thôi.

Chúng chịu là biện bác có lẽ.

Đến khi vào châu, nhân có ngoại quốc dâng một đôi quạt quý. Vua Tàu xai Đĩnh Chi và một người sứ Cao Ly, mỗi người đề một bài tán vào quạt.

Sứ Cao Ly làm xong trước.

Lời tâu rằng:

"Uẩn lòng trùng trùng, y Doãn Chu Công, Vũ tuyết thê thê, Bá Di Thúc Tề".

Nghĩa là: Đang lúc nắng nực, thì như ông Y Doãn, ông Chu Côn (ý là đặc dụng với thời). Đến khi mưa tuyết lạnh ngắt thì như Bá Di, ông Thúc Tề (ý nói là xếp xó một chỗ).

Bấy giờ Mạc Đĩnh Chi chưa nghĩ ra ý tứ làm sao, nhác trông sang quần bút bên kia, biết là lời lẽ như thế mới suy ra mà đề một bài

như sau này:

"Lưu kim thước thanh, thiên địa vi lô, nhi ư tư thời hê Y, Chu cự nho! Bắc phong kì lương, vũ tuyết tái đồ; nhi ư tư thời hê Di, Tề ngã phu. Y! Dụng chi tắc hành, xả chi tắc tàng, dụng ngã nhữ hữu thị phù?"

Nghĩa là: Nắng chảy vàng tan đá, trời đất như lò lửa, người về lúc ấy ví như Y, Chu, hai ông quan to. Gió bắc lạnh lẽo, mưa tuyết lấp đường, người về lúc ấy ví như Di Tề, hai người chết đói. Than ôi! Khi dùng đến thì ra khi không dùng đến thì cất đi, chỉ ta với người được thôi.

Đề xong dâng lên, vua Tàu cầm bút khuyên chữ "Y" (Duyệt!), phê rằng "Lưỡng quốc trượng nguyên" nghĩa là trượng nguyên hai nước.

Thường khi Mạc Đĩnh Chi cười lừa đi đường, chạm phải ngựa Tàu.

Người kia đọc lên một câu rằng:

"Xúc ngã ky mã, Đông di chi nhân dã? Tây di chi nhân dã?".

Nghĩa là: Chạm vào ngựa của ta cười, ấy là người Đông di hay Tây di?

Mạc Đĩnh Chi đáp liền:

"Át dư thừa lư, Nam phương chi cường dư? Bắc phương chi cường dư?"

Nghĩa là: Chấn đường lừa ta đi, thử xem người Nam phương mạnh hay người Bắc phương mạnh.

Lại thường đối đáp người Tàu, Tàu ra rằng:

"An nữ khứ, thi nhập vi gia"

(安女去豕入為家)

Nghĩa là chữ An, bỏ chữ Nữ, chữ Thi (con heo) vào là chữ Gia (nhà). (Rất xác xược!)

Đối rằng:

"Tù, nhân xuất; vương lai thành quốc"

(囚人出王來成国)

Nghĩa là: Chữ Tù bỏ chữ Nhân, chữ Vương đến thì là chữ Quốc. (Rất có chí khí!)

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau tất cả người làm đến đế vương nhưng hiềm về chữ quốc đơn thì hưởng nước không được tròng cửu mảy mối.

Lại ra:

"Nhật hỏa vân yên; bạch chú thiêu tàn ngọc thảo".

nghĩa là: Lửa mặt trời khói đám mây, ngày trắng đốt tàn con thảo ngọc.

Đôi:

"Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô".

Nghĩa là: Cung mặt nguyệt, đạn nhôi sao chiều hôm bắn rụng cái ô vàng.

Người Tàu phê rằng:

- Con cháu về sau tất có người cướp nước. (Mạc Đăng Dung về sau giết vua cướp nước).

Một khi bà hoàng hậu ở Tàu mất, vua Tàu sai ông Mạc Đĩnh Chi vào đọc văn tế. Đến lúc quì xuống cầm bản văn đọc thì chỉ thấy một tờ giấy trắng, có bốn chữ "nhất". Đĩnh Chi không nghĩ ngợi gì, đọc ngay rằng:

"Thanh thiên nhất đoá vân, hồng tô nhất điểm tuyết, Thượng Uyển nhất chi hoa, Dao Trì nhất phiến nguyệt. Y! Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết".

Nghĩa là: Một đám mây trên trời xanh, một giọt tuyết trong lò đỏ, một cành hoa vườn Thượng Uyển, một vầng trăng ao Dao Trì. Than ôi, mây rã, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết.

Bài văn này còn chép vào sử Tàu. Người Tàu ai cũng chịu tài ứng biến nhanh.

Đĩnh Chi làm quan liêm chính hết sức, vua Minh Tôn thường sai người đem mười quan tiền, rình lúc tối bỏ vào cửa nhà ông ấy. Sớm mai, ông vào tâu ngay với vua, xin bỏ tiền ấy vào kho.

Vua bảo rằng:

- Tiền ấy không có ai nhận thì nhà ngươi cứ việc lấy mà tiêu.

Bấy giờ Mạc Đĩnh Chi mới lấy. Đến triều vua Hiến Tôn, làm nên đến chức Tả bộc xạ (Tể tướng). Văn chương lưu truyền lại về sau rất nhiều. Con ông là Khản, Trực, cùng làm đến Ngoại lang. Cháu là Địch, Toại, Viên cùng có quyền thế, làm quan lúc nhà Minh cai trị. Đời cháu chắt thiên (dời) sang ở làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương thì có Đăng Dung là cháu 7 đời, làm vua nhà Mạc.